

SỞ Y TẾ NINH THUẬN
TRUNG TÂM Y TẾ NINH SƠN



DANH MỤC KHUNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH
KHOA XÉT NGHIỆM - CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/07/2019 của Bộ Y tế
và Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận)*

IV. X-QUANG:

STT	Mã	Tên	Giá BH	Giá DV
1	18.0072.0028	Chụp Xquang Blondeau	65400	65400
2	18.0073.0028	Chụp Xquang Hirtz	65400	65400
3	18.0125.0028	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	65400	65400
4	18.0087.0029	Chụp Xquang cột sống cổ chềch hai bên	97200	97200
5	18.0086.0028	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	65400	65400
6	18.0086.0029	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	97200	97200
7	18.0096.0028	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	97200	97200
8	18.0090.0029	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chềch	97200	97200
9	18.0092.0028	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chềch hai bên	97200	97200
10	18.0094.0029	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	97200	97200
11	18.0093.0029	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	97200	97200
12	18.0093.0028	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	65400	65400
13	18.0091.0028	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	65400	65400
14	18.0074.0028	Chụp Xquang hàm chềch một bên	65400	65400
15	18.0112.0029	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chềch	97200	97200
16	18.0110.0028	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	65400	65400
17	18.0104.0028	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chềch	65400	65400
18	18.0080.0028	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	65400	65400

19	18.0100.0028	Chụp Xquang khớp vai thẳng	65400	65400
20	18.0098.0028	Chụp Xquang khung chậu thẳng	65400	65400
21	18.0119.0028	Chụp Xquang ngực thẳng	65400	65400
22	18.0067.0029	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	97200	97200
23	18.0108.0028	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	65400	65400
24	18.0108.0029	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	97200	97200
25	18.0116.0029	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	97200	97200
26	18.0103.0029	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	97200	97200
27	18.0103.0028	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	65400	65400
28	18.0106.0028	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	65400	65400
29	18.0106.0029	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	97200	97200
30	18.0115.0028	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	65400	65400
31	18.0115.0029	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	97200	97200
32	18.0107.0028	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	65400	65400
33	18.0075.0028	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	65400	65400
34	18.0099.0028	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	65400	65400
35	18.0111.0028	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	65400	65400
36	18.0111.0029	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	97200	97200
37	18.0117.0028	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	65400	65400
38	18.0117.0029	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	97200	97200
39	18.0112.0028	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	65400	65400
40	18.0112.0029	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	97200	97200

Ghi chú:

* Giá dịch vụ áp dụng Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 (có hiệu lực từ ngày 9/08/2019) và giá Bảo hiểm áp dụng Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

